

Bản án số: 06/2023/KDTM-ST.

Ngày: 03 - 3 - 2023.

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ёn
2. Bà Nguyễn Thị Kim Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G không tham gia phiên tòa (Theo công văn số 09/CV-KSXX-KDTM, ngày 02/02/2023).

Ngày 03/3/2023, Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2022/TLST-KDTM, ngày 09/11/2022, về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-KDTM, ngày 11/01/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST-KDTM, ngày 10/02/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Đ; địa chỉ trụ sở chính: Số A 6 Khu phố C, phường A, quận B; Người đại diện hợp pháp: Bà Thái Thị Trúc P; chức vụ: Nhân viên; Giấy ủy quyền số 1/UQ, lập ngày 03/10/2022.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần P; địa chỉ trụ sở chính: Số C đường L, Phường D, quận G. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Đặng C; chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc; địa chỉ thường trú và địa chỉ liên lạc: Số C đường L, Phường D, quận G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 10/10/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn - Bà Thái Thị Trúc P trình bày:

Năm 2021, Công Ty Đ (sau đây gọi tắt là Công Ty Đ) bán hàng hóa là thùng nhựa cho Công ty cổ phần P (sau đây gọi tắt là Công ty cổ phần P). Việc mua bán này căn cứ vào phiếu xuất kho và hóa đơn GTGT mà hai bên đã gửi cho nhau. Công Ty Đ đã thực hiện hoàn tất việc giao hàng cho đơn hàng của Công ty cổ phần P (Có hóa đơn GTGT kèm theo). Việc giao, nhận, nghiệm thu hàng hóa và xuất hóa đơn tài chính của năm 2021 cho các đơn hàng đã hoàn thành. Tuy nhiên, Công ty cổ phần P chưa thanh toán hết tiền mua hàng cho Công Ty Đ.

Ngày 25/4/2022, Công ty cổ phần P thừa nhận số tiền còn nợ Công Ty Đ là 150.000.000 đồng theo văn bản do bị đơn - Công ty cổ phần P ký xác nhận. Ngày 14/6/2022, Công ty cổ phần P đã trả cho Công Ty Đ số tiền 40.000.000 đồng. Số tiền nợ còn lại là 110.000.000 đồng Công ty cổ phần P không trả. Do đó, Công Ty Đ khởi kiện yêu cầu: Buộc Công ty cổ phần P có nghĩa vụ trả nợ cho Công Ty Đ số tiền nợ là 110.000.000 đồng (theo văn bản xác nhận nợ ngày 25/4/2022) và tiền lãi theo mức suất quá hạn tương ứng thời gian chậm trả tạm tính đến hết ngày 03/10/2022 là 18.612.000 đồng. Tổng cộng là 128.612.000 đồng.

Tại phiên họp ngày 06/01/2023 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Công Ty Đ tự nguyện rút yêu cầu buộc Công ty cổ phần P trả tiền lãi theo mức suất quá hạn tương ứng thời gian chậm trả tạm tính đến hết ngày 03/10/2022 là 18.612.000 đồng và Công Ty Đ cũng không yêu cầu Công ty cổ phần P trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ. Số nợ trên, Công Ty Đ yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Bị đơn - Công ty cổ phần P: Từ khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần P không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Công Ty Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Công Ty Đ khởi kiện yêu cầu trả tiền nợ từ việc mua bán hàng hóa. Tại Phiếu cung cấp thông tin doanh nghiệp thì Công ty cổ phần P có trụ sở tại quận G, chưa đăng ký giải thể. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại được quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

Về người tham gia tố tụng: Đối với bị đơn - Công ty cổ phần P được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn - Công Ty Đ:

Căn cứ Điều 05 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Căn cứ lời khai của đương sự cũng như các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Ông Đặng C - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần P thừa nhận còn nợ Công Ty Đ số tiền 150.000.000 đồng theo văn bản do ông Chung ký xác nhận ngày 25/4/2022. Ngày 14/6/2022, Công Ty Đ xác nhận Công ty

cổ phần P đã trả số tiền 40.000.000 đồng nên số tiền nợ còn lại là 110.000.000 đồng.

Sau khi Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Công ty cổ phần P không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và không nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) để phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công Ty Đ vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả tiền cho nguyên đơn. Điều đó thể hiện, Công ty cổ phần P còn nợ Công Ty Đ số tiền 110.000.000 đồng. Do đó, Căn cứ Điều 50 Luật Thương mại, xét yêu cầu của Công Ty Đ là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Thời gian trả tiền được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công Ty Đ rút yêu cầu buộc Công ty cổ phần P có nghĩa vụ trả tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn tương ứng thời gian chậm trả tạm tính đến hết ngày 03/10/2022 là 18.612.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này của Công Ty Đ.

Hội đồng xét xử cũng ghi nhận sự tự nguyện của Công Ty Đ không yêu cầu Công ty cổ phần P trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ.

Công ty cổ phần P không yêu cầu phản tố, Hội đồng xét xử không xét.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của Công Ty Đ được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công Ty Đ tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện.

Công ty cổ phần P có nghĩa vụ trả cho Công Ty Đ số tiền 110.000.000 đồng. Công ty cổ phần P chịu án phí là 5 % của giá tranh chấp là 5.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, điều 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ

1.1. Công ty cổ phần P có nghĩa vụ trả cho Công ty Đ số tiền nợ mua hàng là 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng.

Thời gian trả tiền được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Công ty Đ về việc buộc Công ty cổ phần P có nghĩa vụ trả tiền lãi suất quá hạn tương ứng thời gian chậm trả tạm tính đến hết ngày 03/10/2022 là 18.612.000 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Đ không yêu cầu Công ty cổ phần P trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

3. Án phí sơ thẩm:

- Hoàn trả cho Công ty Đ tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 3.215.300 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0012006, ngày 09/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận G.

- Công ty cổ phần P phải nộp là 5.500.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Người vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- CCTHADS quận G;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hạnh